

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Ngành đào tạo: Đại học khối ngành Kinh tế

*(Ban hành theo Quyết định số 640 ngày 14 tháng 12 năm 2019
của Hiệu trưởng trường Đại học Thái bình)*

1. **Tên học phần:** Tiếng Nhật cơ bản. **Mã học phần:**(15)
2. **Số tín chỉ:** 3 (3, 0,6)
3. **Trình độ:** Dành cho sinh viên năm thứ 1
4. **Phân bổ thời gian**
 - Lên lớp: 45 tiết
 - + Lý thuyết/Thực hành/: 22 tiết
 - + Seminar/Bài tập:20 tiết
 - + Kiểm tra: 1tiết: Số bài kiểm tra định kỳ 3 bài
 - Tự học:45 x 2 = 90 tiết

5. **Điều kiện tiên quyết:** Không

6. **Mục tiêu của học phần:**

Chương trình giáo dục thường xuyên về tiếng Nhật thực hành, nhằm trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng cần thiết về tiếng Nhật thực hành năng lực sử dụng tiếng Nhật, đặc biệt khả năng giao tiếp thông qua kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, đồng thời có thể sử dụng tiếng Nhật trong công việc hoặc tiếp tục học tiếng Nhật ở một trình độ cao hơn.

6.1. Về kiến thức:

6.1.1 Mục tiêu chung

- Chương trình là cơ sở cho việc hình thành năng lực ngôn ngữ và năng lực giao tiếp bằng tiếng Nhật của người học, giúp người học tự tin sử dụng tiếng Nhật trong công việc và trong giao tiếp với người Nhật,

- Sau khi hoàn thành chương trình, người học nắm được kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, của tiếng Nhật hiện đại.

6.1.2 Về kiến thức văn hóa xã hội và giao tiếp liên văn hóa

- Cung cấp kiến thức về văn hóa xã hội, tiếp nhận những đặc thù khác biệt của các nền văn hóa.

6.2. Về kỹ năng

Kỹ năng nghe:

- Có thể nghe và phân biệt các âm đơn, âm ghép, âm dài, âm ngắn của tiếng Nhật trong các phát ngôn chậm, rõ ràng.

- Nghe và nhận biết được một số từ chỉ nghề nghiệp, các thông tin về quốc tịch, quê quán của người tham gia hội thoại.

- Nghe câu đơn, đoạn hội thoại ngắn.

Kỹ năng nói:

- Có thể sử dụng các câu đơn giản để giao tiếp về các chủ đề quen thuộc hàng ngày, có thể tự giới thiệu về mình, về gia đình, bạn bè, trường học, đặt được câu hỏi về số lượng giá cả...

Kỹ năng đọc:

- Có thể đọc được số đếm trong chữ Hán.

- Có thể đọc được các đoạn văn mô tả đơn giản, ngắn, đọc hiểu được đại ý và thông tin chi tiết thông qua các bài đọc liên quan đến giới thiệu bạn bè gia đình, địa điểm giờ giấc....

Kỹ năng viết :

- Viết thành thạo chữ katakana và hiragana

- Có thể viết ngắn gọn về giới thiệu bản thân, gia đình, bạn bè...

6.3. Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm:

- Có thái độ làm việc tích cực, độc lập.

- Thái độ hợp tác, chia sẻ khi làm việc nhóm.

- Giúp người học hình thành hứng thú học tiếng Nhật và tìm hiểu về đất nước, con người, nền văn hóa Nhật Bản, góp phần củng cố phát triển mối quan hệ hữu nghị, hợp tác truyền thống Việt Nam - Nhật Bản

7. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

- Kiến thức nhập môn về chữ viết, phát âm tiếng Nhật.

- Sử dụng cách nói lịch sự.

- Chương trình tiếng Nhật Cơ bản 1 trang bị cho sinh viên khoảng 250 từ vựng cơ bản mức độ sơ cấp gắn với những đề tài gần gũi, thiết thực trong cuộc sống, học tập và cung cấp cho sinh viên khoảng 30 mẫu ngữ pháp, 30 chữ Hán đơn giản.

8. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp: trên 80%.

- Tham gia đầy đủ 3 bài kiểm tra, 1 bài thi kết thúc học phần

- Tự học: 90 tiết

- Khác: Theo yêu cầu của giảng viên

9. Tài liệu học tập:

- **Giáo trình chính:**

Tài liệu [1]: みんなの日本語初級 (Mina no nihon go), năm xuất bản 2017 (năm xuất bản), Nhà xuất bản: NXB 3A Network .Nhật Bản.

- Tài liệu khác:

Tài liệu [2]: Nguyễn Thị Bích Viên (2009), 689 Điểm ngữ pháp Tiếng Nhật (cơ bản – nâng cao), NXB Tổng hợp TP Hồ chí Minh, TP. Hồ Chí Minh

Tài liệu [3]: Chủ biên: 国際交流基金 (Nhóm tác giả: Quỹ giao lưu quốc tế) (2007), にほんごできる vol1(Nihon go dekiru vol1), Nhà xuất bản: 株式会社 凡人社 (printed in japan)

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thực hiện theo Quyết định số 17/VBHN ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT và Thông tư số 57/2012/TT- BGDĐT về “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”; Quyết định số 337/QĐ - ĐHTB ngày 15 tháng 7 năm 2019 của trường Đại học Thái Bình ban hành “Quy chế đào tạo Đại học theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Thái Bình”;

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm đánh giá giảng viên:	Đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà.	10%	
2	Điểm kiểm tra định kỳ	3 bài kiểm tra viết 1 tiết trên lớp	30%	
3	Thi kết thúc học phần	1 bài thi	60 %	- Thi: Tự luận – trắc nghiệm - Thời gian thi: 90'

11. Thang điểm: Sử dụng thang điểm điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

12. Nội dung chi tiết học phần

STT	TÊN BÀI	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Kiểm tra (tiết)

1	<i>Giới thiệu đặc điểm chung của tiếng Nhật</i> <i>Làm quen với bảng chữ cái Hiragana</i>	5	2	
2	<i>Làm quen với bảng chữ cái katakana</i>	5	3	
3	Ôn tập và kiểm tra		1	1
4	Bài 1: 文法第一課	3	3	
5	Bài 2: 文法第二課	3	3	
6	<i>Ôn tập và kiểm tra</i>		1	1
7	Bài 3: 文法第三課	3	3	
8	Bài 4: 文法第四課	3	3	
9	<i>Ôn tập và kiểm tra</i>		1	1
Tổng cộng:		22	20	3

13. Hình thức và nội dung từng tuần:

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung	Thời gian (tiết)	Yêu cầu SV chuẩn bị và địa chỉ tư liệu	Ghi chú
Nội dung 1 (tuần 1)				
Lý thuyết	<i>Giới thiệu đặc điểm chung của tiếng Nhật</i> Bảng chữ cái Hiragana	3	- Chuẩn bị và đọc trước: + Nội dung bài học trong giáo trình chính. + Đọc thêm nội dung liên quan trong tài liệu tham khảo. Tài liệu [1]	
Tự học	Ôn tập và chuẩn bị nội dung bài mới (Nội dung tuần thứ 2)	6	Sinh viên chuẩn bị theo yêu cầu của giáo viên	
Nội dung 2 (tuần 2)				
Lý thuyết	<i>Giới thiệu đặc điểm chung của tiếng Nhật</i>	3	- Luyện tập lại bảng chữ cái Hiragana	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung	Thời gian (tiết)	Yêu cầu SV chuẩn bị và địa chỉ tư liệu	Ghi chú
	Bảng chữ cái Hiragana		- Chuẩn bị và đọc trước: + Nội dung bài học trong giáo trình chính. Tài liệu [1]	
Tự học	Ôn tập và chuẩn bị nội dung bài mới (Nội dung tuần thứ 3)	6	Sinh viên chuẩn bị theo yêu cầu của giáo viên	
Nội dung 3 (tuần 3)				
Lý thuyết	Luyện tập và thực hành bảng chữ cái Hiragana. Bảng chữ cái Katakana	3	Chuẩn bị và đọc trước: + Nội dung bài học trong giáo trình chính. + Đọc thêm nội dung liên quan trong tài liệu tham khảo - Luyện tập lại 2 bảng chữ cái Tài liệu [1]	
Tự học	Ôn tập và chuẩn bị nội dung bài mới (Nội dung tuần thứ 4)	6	Sinh viên chuẩn bị theo yêu cầu của giáo viên	
Nội dung 4 (tuần 4)				
Lý thuyết	Bảng chữ cái Katakana	3	- Chuẩn bị và đọc trước: + Nội dung bài học trong giáo trình chính. + Đọc thêm nội dung liên quan trong tài liệu tham khảo - Luyện tập lại 2 bảng chữ cái Tài liệu [1]	
Tự học	Ôn tập và chuẩn bị nội dung bài mới (Nội dung tuần thứ 5)	6	Sinh viên chuẩn bị theo yêu cầu của giáo viên	
Nội dung 5 (tuần 5)				
Lý thuyết	- Luyện tập và thực hành bảng chữ cái Katakana	3	- Chuẩn bị và đọc trước: + Nội dung bài học trong giáo trình chính. + Đọc thêm nội dung liên quan trong tài liệu tham khảo	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung	Thời gian (tiết)	Yêu cầu SV chuẩn bị và địa chỉ tư liệu	Ghi chú
			- Luyện tập lại 2 bảng chữ cái Tài liệu [1]	
Tự học	Ôn tập và chuẩn bị nội dung bài mới (Nội dung tuần thứ 6)	6	Sinh viên chuẩn bị theo yêu cầu của giáo viên	
Nội dung 6 (tuần 6)				
Lý thuyết	Bài 1: 文法第一課 - 新しいことば - 文法 1, N1 は N2 です。	2	- Đọc và viết đúng các chữ cái đã học - Nội dung bài học trong giáo trình chính. Tài liệu [1]	
Kiểm tra	Kiểm tra	1	Sinh viên làm bài kiểm tra theo yêu cầu của giáo viên	
Tự học	Ôn tập và chuẩn bị nội dung bài mới (Nội dung tuần thứ 7)	6	Sinh viên chuẩn bị theo yêu cầu của giáo viên	
Nội dung 7 (tuần 7)				
Lý thuyết	Bài 1: 文法第一課 2, N1 は N2 じゃありません 3, か 4, も 5, N1 の N2 6,さん	3	- Chuẩn bị và đọc trước: + Nội dung bài học trong giáo trình chính. + Đọc thêm nội dung liên quan trong tài liệu tham khảo - Luyện tập lại 2 bảng chữ cái Tài liệu [1]	
Tự học	Ôn tập và chuẩn bị nội dung bài mới (Nội dung tuần thứ 8)	6	Sinh viên chuẩn bị theo yêu cầu của giáo viên	
Nội dung 8 (tuần 8)				
Lý thuyết	Bài 1: 文法第一課 - 文法 - れんしゅう - 文型 (ぶんけい) - 会話 (かいわ)	2	- Đọc và viết đúng các chữ cái đã học - Nội dung bài học trong giáo trình chính. Tài liệu [1]	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung	Thời gian (tiết)	Yêu cầu SV chuẩn bị và địa chỉ tư liệu	Ghi chú
	Bài 2: 文法第二課 - 新しいことば - 文法 1,これ/それ/あれ 2,この/その/あの	1	- Chuẩn bị và đọc trước: Tài liệu [1] Làm câu hỏi ôn tập trong tài liệu	
Tự học	Ôn tập và chuẩn bị nội dung bài mới (Nội dung tuần thứ 9)	6	Sinh viên chuẩn bị theo yêu cầu của giáo viên	
Nội dung 9 (tuần 9)				
Lý thuyết	Bài 2: 文法第二課: 3,そうです/そうじゃありません。 4,....か、.....か 5, N1 の N2 6, の 7, お... 8, そうですか	3	- Chuẩn bị và đọc trước: Tài liệu [1] Làm câu hỏi ôn tập trong tài liệu	
Tự học	Ôn tập và chuẩn bị nội dung bài mới (Nội dung tuần thứ 10)	6	Sinh viên chuẩn bị theo yêu cầu của giáo viên	
Nội dung 10 (tuần 10)				
Lý thuyết	Bài 2: 文法第二課 - れんしゅう - 文型 (ぶんけい) - 会話 (かいわ)	2	Luyện tập các mẫu câu đã học Tài liệu [1]	
	Ôn tập	1	Sinh viên làm câu hỏi ôn tập	
Tự học	Ôn tập và chuẩn bị nội dung bài mới (Nội dung tuần thứ 11)	6	Sinh viên chuẩn bị theo yêu cầu của giáo viên	
Nội dung 11 (tuần 11)				
Lý thuyết	Bài 3: 文法第三課 - 新しいことば	2	- Chuẩn bị và đọc trước: Tài liệu [1]	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung	Thời gian (tiết)	Yêu cầu SV chuẩn bị và địa chỉ tư liệu	Ghi chú
	- 文法 1,ここ/そこ/あそこ/こちら/あちら 2, N1 は N2 です		Làm câu hỏi ôn tập trong tài liệu.	
Kiểm tra	Kiểm tra (1 tiết)	1	Sinh viên làm bài kiểm tra theo yêu cầu của giáo viên	
Tự học	Ôn tập và chuẩn bị nội dung bài mới (Nội dung tuần thứ 12)	6	Sinh viên chuẩn bị theo yêu cầu của giáo viên	
Nội dung 12 (tuần 12)				
Lý thuyết	Bài 3: 文法第三課 3,どこ/どちら 4, N1 の N2 5,こ /そ /あ /ど 6,お...	3	- Chuẩn bị và đọc trước: Tài liệu [1] Làm câu hỏi ôn tập trong tài liệu.	
Tự học	Ôn tập và chuẩn bị nội dung bài mới (Nội dung tuần thứ 13)	6	Sinh viên chuẩn bị theo yêu cầu của giáo viên	
Nội dung 13 (tuần 13)				
Lý thuyết	Bài 3: 文法第三課 - れんしゅう - 文型 (ぶんけい) - 会話 (かいわ)	1		
	Bài 4: 文法第四課 - 新しいことば - 文法 1.いま、じ、ぶん です。 2.V ます、V ません、V ました、V ませんでした。 V ます	2	- Chuẩn bị và đọc trước: Tài liệu [1] Làm câu hỏi ôn tập trong tài liệu.	
Tự học	Ôn tập và chuẩn bị nội dung bài mới (Nội dung tuần thứ 14)	6	Sinh viên chuẩn bị theo yêu cầu của giáo viên	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung	Thời gian (tiết)	Yêu cầu SV chuẩn bị và địa chỉ tư liệu	Ghi chú
Nội dung 14 (tuần 14)				
Lý thuyết	Bài 4 :文法第四 課. 2. V ます、V ません、V ました、V ませんでした。 3. N (じかん)に一動詞 4. から一まで 5. 名詞 と名詞 6. ね - れんしゅう - 文型 (ぶんけい) - 会話 (かいわ)	3	- Chuẩn bị và đọc trước: Tài liệu [1] Làm câu hỏi ôn tập.	
Tự học	Ôn tập và chuẩn bị nội dung bài mới (Nội dung tuần thứ 15)	6	Sinh viên chuẩn bị theo yêu cầu của giáo viên	
Nội dung 15 (tuần 15)				
Lý thuyết	Bài 4:文法第四 課. - れんしゅう - 文型 (ぶんけい) - 会話 (かいわ)	1	- Chuẩn bị và đọc trước: Tài liệu [1] Làm câu hỏi ôn tập	
	Ôn tập (1 tiết)	1	-Từng SV chuẩn bị nội dung ôn tập -Kiến thức đã học + kiến thức thực tiễn Ôn tập và củng cố kiến thức Tài liệu [1]	
	Kiểm tra (1 tiết)	1	Sinh viên làm bài kiểm tra theo yêu cầu của giáo viên	
Tự học	Củng cố kiến thức môn học	6	Sinh viên chuẩn bị theo yêu cầu của giảng viên	

14. Nguồn lực giảng dạy học phần:

14.1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Phòng học: Phòng học lý thuyết
- Trang thiết bị: Máy chiếu, Bảng, âm thanh

14.2. Giảng viên giảng dạy:

TT	Học hàm, học vị. Họ và tên	Điện thoại	Email
1	Hoàng Thị Thu. Cử nhân	0917916368	nekotb80@gmail.com
2	Hoàng Thị Thu Trang. Cử nhân	0983174990	tranghoangvn90@gmail.com

15. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần và đúng thời lượng tiết học, thời gian quy định
Quy định về tham dự lớp học	Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; có giáo trình, tài liệu môn học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực
Quy định về học vụ	Làm đầy đủ các yêu cầu của giảng viên.
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường

Thái Bình, ngày tháng năm 2019

Trưởng khoa

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trưởng bộ môn

(Ký và ghi rõ họ tên)